Ubi Caritas (Where There Is Love)
Kết Hiệp Trong Chúa

Bob Hurd

Lyric

* Ubi caritas est vera, est vera:
Deus ibi est,
Deus ibi est.

1 The love of Christ joins us together.
Let us rejoice in him,
and in our love and care for all
now love God in return.

2 In true communion let us gather.
May all divisions cease
and in their place be Christ the Lord,
our risen Prince of Peace.

3 May we who gather at this table
to share the bread of life
become a sacrament of love,
your healing touch, O Christ.

4 For those in need make us your mercy,
for those oppressed, your might.
Make us, your Church, a holy sign
of justice and new life.

5 May we one day behold you glory
and see you face to face,
rejoicing with the saints of God
to sing eternal praise.

Lời dịch

* Đâu có tình yêu thương thì quả thật, quả thật
Đức Chúa Trời ở đó,
Đức Chúa Trời ở đó.

1 Tình yêu Thiên Chúa nối kết chúng ta với nhau.
Nào ta hãy mừng vui trong Người,
và khi ta yêu thương đùm bọc lẫn nhau
chính là lúc ta đáp lại tình yêu Thiên Chúa.

2 Nào ta cùng quy tụ trong tình hiệp thông trọn vẹn.
Nguyện xin mọi sự chia rẽ đều tan biến
và nơi đó xin Đức Chúa Kitô,
Hoàng tử Hòa bình đã trỗi dậy ngự đến.

3 Xin cho chúng ta, những người quy tụ nơi bàn tiệc này
để chia sẻ tấm bánh cuộc sống
trở nên một bí tích của tình thương,
là cánh tay chữa lành, lạy Đức Kitô.

4 Xin để chúng con là lòng từ nhân Người ban cho những ai thiếu thốn,
là quyền năng Người ban cho những ai bị áp bức.
Xin biến chúng con, là Giáo hội của Ngài,
thành dấu chỉ thánh thiêng của công lý và một cuộc sống mới.

5 Xin cho chúng con một ngày diện kiến Thánh nhan,
cùng vinh quang của Ngài,
mừng vui cùng các thánh của Chúa
để cất cao lời ca tụng vinh danh muôn đời.

Ubi Caritas (Where There Is Love)

Kết Hiệp Trong Chúa

Bob Hurd

Composer

"In 1996 I published an entire Mass setting called "Ubi Caritas". This was not only Mass Parts, but songs as well, for gathering, preparation, communion and for the different seasons of the year. For the Mass Parts, both the people's parts and the priest's, I used the traditional Gregorian chant melody of the medieval song, "Ubi Caritas". In the Eucharistic Prayer, the priest's sung parts and the people's acclamations use this melody. When it came time to create a communion song for this collection, I wanted to base it on the traditional text, but create a new melody. The traditional melody is used all throughout the mass and I thought it would be better to have a change for the communion song. I also wanted to add some verses that would bring out the social justice implications of the Eucharist. So verses 3 and 4 are really my addition to the original text. The other verses are my paraphrases of the original verses.

This song has become my second most used song around the world. (The first is "Pan de Vida"). It now has, in addition to English verses, verses in Spanish, Vietnamese, French, Chinese and Korean."

"Năm 1996, tôi phát hành một bộ Lễ hoàn chỉnh tên là "Ubi Caritas" (Nơi Có Tình Yêu Thương). Cuốn sách này không chỉ có các phần trong Thánh lễ, mà còn có những bài hát nữa, gồm Nhập lễ, Dâng lễ, Hiệp lễ và cho các mùa khác trong năm Phụng vụ. Đối với phần nghi thức Thánh lễ, tôi sử dụng các giai điệu bình ca Gregorian truyền thống thời Trung cổ trong bài Ubi Caritas. Trong phần Kinh Nguyện Thánh Thể, cả phần hát của Linh mục và phần đáp của cộng đoàn, tôi cũng sử dụng các giai điệu này. Khi đến lúc phải viết bài Hiệp lễ cho cuốn sách này, tôi muốn vẫn sử dụng ca từ truyền thống, nhưng phần nhạc sẽ được làm mới. Các giai điệu truyền thống đã được sử dụng trong các phần khác của Thánh lễ rồi, và tôi nghĩ là sẽ hay hơn nếu có chút thay đổi cho bài Hiệp lễ. Tôi cũng muốn thêm vào vài phiên khúc mang ý nghĩa về công bình xã hội qua Bí tích Thánh Thể. Và vì thế, phiên khúc 3 và 4 đã được thêm vào, mang ý nghĩa diễn giải cho các phiên khúc nguyên thủy của bài hát.

Bài hát này là bài hát thứ hai của tôi được phổ biến tại nhiều nơi trên thế giới. (Bài hát đầu tiên là Pan de Vida). Giờ đây, bài hát Ubi Caritas này được dịch sang các ngôn ngữ khác như tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Hoa và tiếng Hàn Quốc."

#465 Thánh Ca Dân Chúa, English Missal Songbook

Vocabulary

- division: The action of separating something into parts or the process of being separated Sự phân chia, sự chia rẽ
Where are sins, there are also divisions, schisms, heresies, and disputes. (CCC 817)
Nơi đâu có tội lỗi, ở đó có chia rẽ, ly giáo, lạc giáo và xung đột. (GLCG 817)

- Prince of Peace: A title of Christ. Một danh hiệu của Chúa Kitô: Hoàng Tử Hoà Bình, Thủ Lãnh Hoà Bình.
For a child is born to us, a son is given to us; upon his shoulder dominion rests.
They name him Wonder-Counselor, God-Hero, Father-Forever, Prince of Peace. (Is 9: 5)
Vì một trẻ thơ đã chào đời để cứu ta, một người con đã được ban tặng cho ta.
Người gánh vác quyền bính trên vai, danh hiệu của Người là Cố Vấn kỳ diệu, Thần Linh dũng mãnh, người Cha muôn thuở, Thủ Lãnh hoà bình. (Is 9, 5)

- oppress: Keep (someone) in subjection and hardship, especially by the unjust exercise of authority. Áp bức, đàn áp
Guarantee your servant's welfare; do not let the arrogant oppress me. (Ps 119: 122)
Hạnh phúc tôi tớ Ngài đây, xin bảo đảm, để phường kiêu ngạo đừng ức hiếp thân này. (Tv 119: 122)

Usage

Day: The Sacred Paschal Triduum, Thursday of the Lord's Supper at the Evening Mass
Ngày: Tam Nhật Vượt Qua, Lễ chiều thứ 5 - Bữa Tiệc Ly.
Liturgical: Sunday Celebrations in the Absence of a Priest, Communion Song, The Liturgy of the Eucharist, Communion Song
Phụng vụ: Lễ Chúa Nhật trong các ngày vắng linh mục, bài hát Dâng Lễ, Phụng Vụ Thánh Thể, bài hát Dâng Lễ

Ritual: Marriage, Rite of Christian Initiation of Adults, General Use
Nghi thức: Đám cưới, nghi thức Tân Tòng, sử dụng chung.
Topical: Love for Others, Unity
Chủ đề: Tình yêu tha nhân, hiệp thông

Source: English-Vietnamese Catholic Dictionary - Nguyen Dinh Dien, oxforddictionaries.com
Nguồn: Từ điển Công Giáo Anh-Việt - Nguyễn Đình Diễn, oxforddictionaries.com